

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN
SOMECO SÔNG ĐÀ**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kết quả công tác soát xét	6
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	14 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà (Công ty mẹ) và các Công ty con đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Someco Sông Đà là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Cơ khí Lắp máy Sông Đà theo Quyết định số 2125/QĐ-BXD ngày 15 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế công ty cổ phần số 5400240573 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 01 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 19 tháng 6 năm 2012.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 16 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ và đổi tên Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Cổ đông Nhà nước – Tổng Công ty Sông Đà	35.700.000.000	51
Các cổ đông khác	34.300.000.000	49
Cộng	70.000.000.000	100

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Điện thoại : (84-4) 3783 2398
Fax : (84-4) 3783 2397
Website : <http://www.someco.com.vn>

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Someco Sông Đà tại miền Bắc	Đường Lê Thánh Tông, phường Hữu Nghi, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Someco Sông Đà tại miền Trung	Số 61, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Lắp đặt hệ thống điện;
- Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng nhà máy điện, hệ thống điện - điện tử và tự động hóa, bao gồm cả công tác đồng bộ thiết bị, lập sơ đồ khởi động và thử đồng bộ thiết bị cho các nhà máy điện, trạm biến áp các dây chuyền công nghệ công nghiệp;
Sản xuất công nghiệp và quản lý vận hành trong các lĩnh vực: cơ khí, điện, điện tử, thông tin viễn thông và sản xuất năng lượng điện;
- Lắp đặt máy, thiết bị công nghiệp;
- Thí nghiệm hiệu chỉnh, vận hành liên động, vận hành thử đồng bộ hệ thống máy móc thiết bị công nghệ;
- Vận hành, sửa chữa trang thiết bị hệ thống điện nhà máy, đường dây và trạm biến áp;

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh, nghiệm thu thiết bị, đường dây của hệ thống thông tin, hệ thống SCADA, hệ thống điện tử phân tán (DCS) và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin (SCADA, EMS, DMS, RTU);
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh đưa vào vận hành, thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ các hệ thống điện nhà máy, đường dây và trạm biến áp;
- Kinh doanh dịch vụ bất động sản; Kinh doanh bất động sản;
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi và thủy điện (giám sát lắp đặt thiết bị, thiết bị công nghệ cơ khí công trình);
- Tư vấn, đầu tư, lập và thực hiện các dự án xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, công trình dân dụng và công nghiệp;
- Khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm), (chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ và các loại hình sản xuất, kinh doanh điện khác;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm Công ty kinh doanh;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị nội thất;
- Kiểm tra khuyết tật kim loại;
- Mua bán vật liệu xây dựng, đồ ngũ kim, thiết bị cấp nước trong nhà, thiết bị nhiệt và phụ tùng thay thế;
- Vận tải hành khách, hàng hóa đường bộ;
- Sản xuất, mua bán khí oxy;
- Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp đường dây và trạm biến thế đến 500KV);
- Đúc sắt thép, kim loại màu;
- Bảo dưỡng, sửa chữa xe có động cơ;
- Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc, tư vấn về công nghệ và kỹ thuật có liên quan bao gồm: dịch vụ thiết kế kết cấu; Thiết kế các hệ thống kỹ thuật liên quan đến công trình; Dịch vụ tư vấn thiết kế khác./.

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Thôn Nậm Choong, xã Quảng Nguyên, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang	Số 5100199853 ngày 04/01/2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp	60%
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Bản Đồng Mác, xã Quý Hòa, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	Số 4900262326 ngày 02/11/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp	56%
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	C40-TT6 khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Số 0104755407 ngày 15/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp	100%
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	Phòng 1004, Tầng 10, CT4, Khu Đô thị mới Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội	Số 0104835162 ngày 05/08/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hà Nội cấp	100%
Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình	Đường Lê Thánh Tông, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	Số 5400351298 ngày 31/08/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp	51%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà và các Công ty con được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 43).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Kim Mạnh Hà	Chủ tịch	22 tháng 07 năm 2013	
Ông Nguyễn Anh	Chủ tịch	10 tháng 04 năm 2011	22 tháng 07 năm 2013
Ông Nguyễn Anh	Ủy viên	22 tháng 07 năm 2013	
Ông Trần Thanh Sơn	Ủy viên	10 tháng 04 năm 2011	
Ông Phạm Văn Thường	Ủy viên	10 tháng 04 năm 2011	
Ông Phạm Đức Trọng	Ủy viên	30 tháng 06 năm 2013	
Ông Nguyễn Hồng Phong	Ủy viên	10 tháng 04 năm 2011	30 tháng 06 năm 2013

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Vũ Đức Quang	Trưởng ban	10 tháng 04 năm 2011
Ông Lê Văn Lâm	Thành viên	10 tháng 04 năm 2011
Bà Phạm Thị Canh	Thành viên	10 tháng 04 năm 2011

Ban điều hành

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trần Thanh Sơn	Tổng Giám đốc	10 tháng 04 năm 2010
Ông Nguyễn Đức Doanh	Phó Tổng Giám đốc	14 tháng 02 năm 2006
Ông Phạm Văn Thường	Phó Tổng Giám đốc	14 tháng 02 năm 2006
Ông Phạm Đức Trọng	Phó Tổng Giám đốc	19 tháng 03 năm 2013

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này giữa niên độ, Ban Giám đốc phải:

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà và các công ty con tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trần Thanh Sơn

Ngày 28 tháng 8 năm 2013.



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 1-3 Song Day St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 350/2013/BCTC-KTTV-KT3

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà và các Công ty con gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, được lập ngày 28 tháng 8 năm 2013, từ trang 07 đến trang 43 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Someco Sông Đà. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán Ý kiến của Kiểm toán viên

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Nguyễn Thị Tư

Số Giấy GCNĐKHNKT: 0059-2013-08-01

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2013.

Kiểm toán viên

Lê Văn Khoa

Số Giấy GCNĐKHNKT: 1794-2013-08-01

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B tòa nhà Sông Đà, Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		529.748.365.656	510.126.512.026
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.888.742.922	12.607.583.333
1. Tiền	111		11.888.742.922	12.607.583.333
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10.277.200.000	10.277.200.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	10.277.200.000	10.277.200.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		336.390.586.797	328.726.769.213
1. Phải thu khách hàng	131		300.076.635.223	298.049.783.005
2. Trả trước cho người bán	132		29.065.434.903	21.206.414.587
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	10.829.800.552	13.051.855.502
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.4	(3.581.283.881)	(3.581.283.881)
IV. Hàng tồn kho	140		139.844.499.022	132.554.470.126
1. Hàng tồn kho	141	V.5	139.844.499.022	132.554.470.126
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.347.336.915	25.960.489.354
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		64.373.277	79.538.665
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.830.009.122	5.465.358.595
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	20.452.954.516	20.415.592.094

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B tòa nhà Sông Đà, Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		390.962.445.436	388.559.125.486
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		359.744.720.067	355.990.071.631
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	46.469.540.537	52.482.786.438
<i>Nguyên giá</i>	222		136.572.120.874	138.454.574.926
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(90.102.580.337)	(85.971.788.488)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	1.645.114.050	1.650.694.950
<i>Nguyên giá</i>	228		2.175.809.000	2.175.809.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(530.694.950)	(525.114.050)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	311.630.065.480	301.856.590.243
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.515.000.000	1.515.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	1.515.000.000	1.515.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		29.702.725.369	31.054.053.855
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	28.122.030.101	28.293.754.014
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.422.883.828	1.527.504.475
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.12	157.811.440	1.232.795.366
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		920.710.811.092	898.685.637.512

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B tòa nhà Sông Đà, Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		766.478.778.234	737.630.754.872
I. Nợ ngắn hạn	310		525.075.504.713	495.467.492.594
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	193.069.009.534	197.359.135.801
2. Phải trả người bán	312		89.492.319.239	88.039.643.757
3. Người mua trả tiền trước	313		37.293.416.185	22.061.143.244
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	58.847.706.974	51.090.922.696
5. Phải trả người lao động	315		20.445.194.579	29.481.602.605
6. Chi phí phải trả	316	V.15	57.048.737.274	51.143.904.807
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.16	60.381.627.569	48.229.923.527
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.17	6.800.435.883	6.800.435.883
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.697.057.476	1.260.780.274
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		241.403.273.521	242.163.262.278
1. Phải trả dài hạn người bán	331		19.758.270.000	19.758.270.000
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		184.960.000	199.960.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.18	208.091.672.982	210.214.230.532
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	V.19	13.368.370.539	11.990.801.746
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.20	121.799.406.222	128.072.752.956
I. Vốn chủ sở hữu	410		121.799.406.222	128.072.752.956
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		70.000.000.000	70.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.927.177.227	11.927.177.227
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(2.155.808.880)	(2.155.808.880)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		33.239.449.784	32.278.071.112
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.771.479.364	3.647.427.677
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.017.108.727	12.375.885.820
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.21	32.432.626.636	32.982.129.684
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		920.710.811.092	898.685.637.512

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B tòa nhà Sông Đà, Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu



Phạm Thị Canh

Kế toán trưởng



Đàm Trung Kiên

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2013

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B tòa nhà Sông Đà, Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	101.533.146.420	154.494.348.874
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	12.516.621	2.760.109.039
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		101.520.629.799	151.734.239.835
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	69.168.203.411	104.031.035.901
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		32.352.426.388	47.703.203.934
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	61.170.321	78.592.139
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	13.778.465.087	23.950.625.760
Trong đó: chi phí lãi vay	23		13.778.465.087	24.148.685.760
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	10.960.206.624	13.842.637.087
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.674.924.998	9.988.533.226
11. Thu nhập khác	31		-	86.542.234
12. Chi phí khác	32	VI.6	4.175.895.346	1.623.692.164
13. Lợi nhuận khác	40		(4.175.895.346)	(1.537.149.930)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.499.029.652	8.451.383.296
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.328.281.585	2.177.427.221
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		104.620.647	213.361.878
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.066.127.420	6.060.594.197
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		793.573.163	1.071.542.440
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	V.20	272.554.257	4.989.051.757
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	39	713

Người lập biểu

Phạm Thị Canh

Kế toán trưởng

Đàm Trung Kiên

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2013

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B tòa nhà Sông Đà, Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.499.029.652	8.451.383.296
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		5.868.797.709	6.331.794.571
- Các khoản dự phòng	03		-	(6.332.000.000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(6.167.940.000)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	13.778.465.087	24.148.685.760
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		23.146.292.448	26.431.923.627
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(15.475.859.383)	(6.305.366.019)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(7.290.028.896)	24.276.984.449
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		7.567.466.871	2.696.428.451
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		472.918.393	(120.165.112)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(5.584.421.044)	(21.601.348.159)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.14	(300.000.000)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.708.386.605	2.094.889.126
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(50.200.000)	(175.831.821)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.194.554.994	27.297.514.542
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(415.110.220)	(19.765.684.642)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	16.530.440.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(415.110.220)	(3.235.244.642)

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B tòa nhà Sông Đà, Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.13	88.081.306.521	75.614.221.765
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(94.579.591.706)	(100.880.246.413)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(6.498.285.185)	(25.266.024.648)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(718.840.411)	(1.203.754.748)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	12.607.583.333	15.250.454.672
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	11.888.742.922	14.046.699.924

Người lập biểu

Phạm Thị Canh

Kế toán trưởng

Đàm Trung Kiên

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2013

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ tổng hợp của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà (Công ty mẹ) và các Công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ :** Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh :** Sản xuất, gia công và lắp đặt công trình
- Hoạt động kinh doanh chính trong năm :** Hoạt động về kiến trúc, tư vấn về công nghệ và kỹ thuật có liên quan, bao gồm: Dịch vụ thiết kế kết cấu, Thiết kế các hệ thống kỹ thuật liên quan đến công trình, Dịch vụ tư vấn thiết kế khác; Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng; Đúc sắt thép, kim loại màu; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV); Sản xuất, mua bán khí oxy.
- Tổng số các công ty con :** 05
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 05

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Thôn Nậm Choong, xã Quảng Nguyên, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang	93%	60%
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Bản Đổng Mác, xã Quý Hòa, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	69%	56%
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	C40-TT6 khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	100%	100%
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Someco	Phòng 1004, Tầng 10, CT4, Khu Đô thị mới Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội	100%	100%
Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình	Đường Lê Thánh Tông, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty mẹ và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty mẹ và các công ty con sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Someco Sông Đà (Công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối kỳ được xác định cho từng công trình (CT), hạng mục công trình (HMCT) như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở dang} \\ \text{đầu kỳ (CT, HMCT)} \\ \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD phát sinh} \\ \text{trong kỳ (CT, HMCT)} \\ \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{thực hiện trong kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{sản lượng dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \\ \text{(CT,} \\ \text{HMCT)} \end{array}$$

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty mẹ và các công ty con phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và chi phí

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu xây dựng

Doanh thu được ghi nhận khi công trình có quyết toán A-B hoặc Bán xác nhận khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành theo từng giai đoạn đối với các công trình có thời gian thi công dài và Phiếu giá thanh toán của chủ đầu tư. Các công trình đã có dự toán được phê duyệt thì giá trị hạch toán doanh thu là giá trị quyết toán công trình (không bao gồm thuế GTGT) mà Công ty được hưởng. Đối với các công trình chưa có dự toán được phê duyệt thì doanh thu được ghi nhận bằng giá trị được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán theo Phiếu giá.

Các khoản chênh lệch giữa giá trị quyết toán công trình được chủ đầu tư duyệt và doanh thu đã được ghi nhận trong các kỳ trước được điều chỉnh tăng hoặc giảm doanh thu trong kỳ phê duyệt quyết toán của chủ đầu tư.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty mẹ và các công ty con gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty mẹ và các công ty con sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty mẹ và các công ty con:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	3.899.983.975	1.704.365.039
Tiền gửi ngân hàng	7.988.758.947	10.903.218.294
Cộng	11.888.742.922	12.607.583.333

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Đà Hoàng Liên	585.720	5.857.200.000	585.720	5.857.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc	357.000	3.570.000.000	357.000	3.570.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà	85.000	850.000.000	85.000	850.000.000
Cộng		10.277.200.000		10.277.200.000

3. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu Cán bộ công nhân viên	2.369.115.712	1.829.551.695
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	1.232.000.000	1.232.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc	6.143.301.295	6.143.301.295
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	235.598.057	2.397.578.082
Phải thu khác	849.785.488	1.449.424.430
Cộng	10.829.800.552	13.051.855.502

4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Là dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán:		
+ Dưới 1 năm	(1.882.567.563)	(1.882.567.563)
+ Từ 1 năm đến dưới 2 năm	(1.664.716.318)	(1.664.716.318)
+ Trên 3 năm	(34.000.000)	(34.000.000)
Cộng	(3.581.283.881)	(3.581.283.881)

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	10.602.274.646	6.170.059.064
Công cụ, dụng cụ	734.433.239	677.217.498
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	128.507.791.137	125.707.193.564
Cộng	139.844.499.022	132.554.470.126

6. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	20.195.528.516	17.748.137.244
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	257.426.000	2.667.454.850
Cộng	20.452.954.516	20.415.592.094

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu năm	19.324.949.244	80.839.811.591	34.433.627.559	3.856.186.532	138.454.574.926
Tăng do mua sắm mới		136.000.000			136.000.000
Giảm do phân loại theo TT45/BTC		(1.141.267.729)		(877.186.323)	(2.018.454.052)
Số cuối kỳ	19.324.949.244	79.834.543.862	34.433.627.559	2.979.000.209	136.572.120.874
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	7.188.636.391	17.624.540.320	7.163.453.566	585.031.269	32.561.661.546
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	8.883.000.825	48.531.399.542	26.800.996.752	1.756.391.369	85.971.788.488
Tăng trong kỳ do khấu hao	738.649.428	3.599.953.073	1.139.333.624	385.280.684	5.863.216.809
Giảm do phân loại theo TT45/BTC		(1.078.001.114)		(654.423.846)	(1.732.424.960)
Số cuối kỳ	9.621.650.253	51.053.351.501	27.940.330.376	1.487.248.207	90.102.580.337
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	10.441.948.419	32.308.412.049	7.632.630.807	2.099.795.163	52.482.786.438
Số cuối kỳ	9.703.298.991	28.781.192.361	6.493.297.183	1.491.752.002	46.469.540.537

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 40.739.689.387 VND và 14.271.701.005 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn và dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Thương hiệu Sông Đà	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	1.620.000.000	500.000.000	55.809.000	2.175.809.000
Tăng trong kỳ				
Giảm trong kỳ				
Số cuối kỳ	1.620.000.000	500.000.000	55.809.000	2.175.809.000
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm		500.000.000	25.114.050	525.114.050
Khấu hao trong kỳ			5.580.900	5.580.900
Giảm trong kỳ				
Số cuối kỳ		500.000.000	30.694.950	530.694.950
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	1.620.000.000		30.694.950	1.650.694.950
Số cuối kỳ	1.620.000.000		25.114.050	1.645.114.050

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	74.000.000	109.582.400	114.000.000	69.582.400
XDCB dở dang	301.782.590.243	9.610.682.837		311.393.273.080
Công trình thủy điện Nậm Ly	110.495.195.105	650.824.881		111.146.019.986
Công trình thủy điện Bắc Giang	191.246.361.502	8.959.857.956		200.206.219.458
Trụ sở văn phòng Hà Giang	41.033.636			41.033.636
Sửa chữa TSCĐ		167.210.000		167.210.000
Cộng	301.856.590.243	9.887.475.237	114.000.000	311.630.065.480

10. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà	115.000	1.150.000.000	115.000	1.150.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm		365.000.000		365.000.000
Cộng		1.515.000.000		1.515.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	Số cuối kỳ
Tiền thuê đất Xưởng cơ khí Đà Nẵng	8.350.028.275		286.388.798	8.063.639.477
Công cụ dụng cụ	50.556.572	274.022.248	50.207.582	274.371.238
Sửa chữa văn phòng	169.684.853		70.312.440	99.372.413
Tiền thuê văn phòng	19.723.484.314		38.837.341	19.684.646.973
Cộng	28.293.754.014	274.022.248	445.746.161	28.122.030.101

12. Tài sản dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

13. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn Ngân hàng	143.730.918.357	147.475.767.094
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	129.952.682.742	129.989.820.040
Chi nhánh Hòa Bình		3.121.231.267
Ngân hàng TMCP An Bình		
Ngân hàng TMCP Quân đội		
Chi nhánh Hoàng Quốc Việt		
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	13.778.235.615	13.778.235.615
Chi nhánh Hà Nội		
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu		586.480.172
Chi nhánh Hà Nội		
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	47.398.841.177	42.203.903.847
Vay dài hạn đến hạn trả	1.939.250.000	7.679.464.860
Cộng	193.069.009.534	197.359.135.801

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Vay ngân hàng	Vay các tổ chức và cá nhân khác	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	147.475.767.094	42.203.903.847	7.679.464.860	197.359.135.801
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	80.351.306.521	7.730.000.000		88.081.306.521
Tăng do lãi nhập gốc		85.601.368		85.601.368
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(84.096.155.258)	(2.620.664.038)	(5.740.214.860)	(92.457.034.156)
Số cuối kỳ	143.730.918.357	47.398.841.177	1.939.250.000	193.069.009.534

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	37.286.380.347	6.293.073.296	731.818.780	42.847.634.863
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		3.758.632	3.758.632	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.610.635.893	2.328.281.585	300.000.000	13.638.917.478
Thuế thu nhập cá nhân	2.193.906.456	166.248.177		2.360.154.633
Các loại thuế khác		14.000.000	13.000.000	1.000.000
Cộng	51.090.922.696	8.805.361.690	1.048.577.412	58.847.706.974

Thuế giá trị gia tăng

Công ty mẹ và các công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

Hoạt động xây lắp, kinh doanh điện nước và dịch vụ khác	10%
Hoạt động thương mại	5%; 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty mẹ và các công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.499.029.652	8.451.383.296
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	2.740.117.002	258.325.588
- Các khoản điều chỉnh tăng	7.702.575.640	1.552.240.960
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	2.786.016.682	742.134.254
Lỗ của Các Công ty con	4.916.558.958	810.106.706
- Các khoản điều chỉnh giảm	(4.962.458.638)	(1.293.915.372)
Lãi đã thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ	(418.482.585)	(853.447.512)
Trích lập dự phòng khoản đầu tư và Công ty con	(4.543.976.053)	(440.467.860)
Tổng thu nhập chịu thuế	6.239.146.654	8.709.708.884
Lỗ các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	6.239.146.654	8.709.708.884
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	1.559.786.664	2.177.427.221
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	768.494.921	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	2.328.281.585	2.177.427.221

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	39.076.984.315	30.882.940.272
Phải trả các nhà thầu phụ về KLXL	10.782.021.310	15.600.188.506
Phải trả các khoản khác	7.189.731.649	4.660.776.029
Cộng	57.048.737.274	51.143.904.807

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	3.201.455.552	3.266.295.901
BHXH, BHYT, BHTN	20.116.507.602	16.865.783.013
Cổ tức phải trả	19.347.197.960	11.944.697.960
Tổng Công ty Sông Đà	1.692.899.892	3.009.875.233
Quỹ tự nguyện	89.910.064	104.684.499
1% kinh phí công đoàn để lại cơ sở	83.401.100	427.338.003
Thuế thu nhập cá nhân phải nộp tại Lào	300.000.000	300.000.000
Nhận ủy thác đầu tư	1.150.000.000	1.150.000.000
Tiền sử dụng đất	2.826.729.864	2.684.406.364
Chi phí phạt thuế	4.112.649.670	
Các khoản phải trả khác	7.460.875.865	8.476.842.554
Cộng	60.381.627.569	48.229.923.527

17. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Là dự phòng bảo hành các công trình Thủy điện như Nậm Chiến, Nậm Khánh, Sứ Pán 2...có thời gian bảo hành là 12 tháng. Mức trích dự phòng từ 1 -3% doanh thu của hạng mục công trình được nghiệm thu.

18. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	4.723.713.190	6.746.270.740
Chi nhánh Hoà Bình ⁽ⁱ⁾		
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	127.591.970.171	127.591.970.171
Chi nhánh Lạng Sơn ⁽ⁱⁱ⁾		
Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	74.144.864.621	74.244.864.621
Chi nhánh Hà Giang ⁽ⁱⁱⁱ⁾		
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	478.000.000	478.000.000
Chi nhánh Hà Nội ^(iv)		
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex	1.153.125.000	1.153.125.000
Chi nhánh Hà Nội ^(v)		
Cộng	208.091.672.982	210.214.230.532

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Khoản vay giữa Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Bình và Công ty Cổ phần Someco Sông Đà để đầu tư thiết bị phục vụ thi công lắp đặt thiết bị nhà máy thủy điện Tuyên Quang và Nhà máy xi măng Hạ Long với lãi suất thả nổi, được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng thêm 3%/năm, điều chỉnh theo định kỳ 6 tháng, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (ii) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2009-HĐTD-Bắc Giang và số 02/2009-HĐTD-Bắc Giang ngày 21 tháng 01 năm 2009 giữa Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lạng Sơn để thanh toán một phần chi phí đầu tư thực hiện dự án thủy điện Bắc Giang với hạn mức tối đa là 141.406.000.000 VND và 3.710.000 USD, thời hạn vay là 13 năm 6 tháng, ân hạn 2 năm 9 tháng, lãi suất bằng lãi suất huy động 12 tháng trả sau của Ngân hàng cộng 4,2%/năm với khoản vay VND và cộng 3% với khoản vay bằng ngoại tệ, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng 1 lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai là công trình thủy điện Bắc Giang.
- (iii) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng ngày 12 tháng 02 năm 2009 giữa Công ty Cổ phần Someco Hà Giang với Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Giang để thanh toán các chi phí đầu tư, mua sắm, xây dựng và các chi phí hợp lý khác cho việc thực hiện dự án nhà máy thủy điện Nậm Ly 1 với hạn mức tối đa là 52.830.000.000 VND và 1.534.000 USD, thời hạn vay là 124 tháng, ân hạn 24 tháng, lãi suất bằng lãi suất huy động 12 tháng trả sau của Ngân hàng cộng 3,5%/năm, lãi suất được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai là công trình thủy điện Nậm Ly 1.
- (iv) Khoản vay giữa Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Hà Nội và Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco để nâng cao năng lực xe máy, thiết bị thi công giai đoạn 1 năm 2010. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản bao gồm: Giá trị quyền sở hữu và hưởng thụ bảo hiểm toàn bộ của 01 xe ô tô Mercedes Sprinter BKS 29D – 00051 và toàn bộ số thiết bị hiệu chuẩn đo lường, role, cao thế, giá trị tài sản thế chấp là 8.195.254.500 VND
- (v) Khoản vay giữa TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội và Công ty Cổ phần Someco Sông Đà để thanh toán tiền mua xe cầu bánh lốp với lãi suất thả nổi, được xác định bằng lãi suất huy động tiết kiệm VND 12 tháng trả lãi sau cộng thêm 5%/năm, điều chỉnh theo định kỳ 6 tháng, thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Khoản vay này được đảm bảo bằng giá trị quyền sở hữu và thụ hưởng bảo hiểm toàn bộ 01 xe cần trục bánh lốp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	210.214.230.532	215.476.730.532
Số tiền vay phát sinh trong năm		
Số tiền vay đã trả trong năm	(2.122.557.550)	(1.500.000.000)
Số kết chuyển		
Số cuối kỳ	208.091.672.982	213.976.730.532

19. Dự phòng phải trả dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí bảo hành công trình xây lắp	11.143.181.584	9.765.612.791
Hợp đồng có rủi ro lớn	2.225.188.955	2.225.188.955
Cộng	13.368.370.539	11.990.801.746

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chi phí bảo hành công trình xây lắp: là dự phòng bảo hành công trình Thủy điện Nậm Chiến, Bắc Hà có thời gian bảo hành trên 12 tháng. Mức trích dự phòng từ 1 -3% doanh thu của hạng mục công trình được nghiệm thu trong năm.

Hợp đồng có rủi ro lớn

Hợp đồng đã ký kết với Ban điều hành dự án Thủy điện Nậm Chiến là hợp đồng điều chỉnh giá theo giá dự toán được phê duyệt. Trước đó, một số hạng mục đã được ghi nhận doanh thu theo Biên bản nghiệm thu khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành và Phiếu giá lập trên cơ sở giá dự toán chưa được phê duyệt. Ngày 27 tháng 9 năm 2010, dự toán công trình đã được phê duyệt và chênh lệch giữa giá trị tạm tính theo Phiếu giá của các hạng mục đã ghi nhận doanh thu với giá trị thanh toán theo dự toán phê duyệt là 2.225.188.955 VND được Công ty mẹ trích lập dự phòng.

20. Vốn chủ sở hữu

	Số đầu năm	Lợi nhuận trong kỳ này	Trích lập các quỹ và chia cổ tức	Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ lợi ích cổ đông thiểu số	Số cuối kỳ
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	70.000.000.000				70.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	11.927.177.227				11.927.177.227
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(2.155.808.880)				(2.155.808.880)
Quỹ đầu tư phát triển	32.278.071.112		961.378.672		33.239.449.784
Quỹ dự phòng tài chính	3.647.427.677		124.051.687		3.771.479.364
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	12.375.885.820	272.554.257	(7.633.533.732)	2.202.382	5.017.108.727
Cộng	128.072.752.956	272.554.257	(6.548.103.373)	2.202.382	121.799.406.222

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	35.700.000.000	35.700.000.000
Vốn góp của các cổ đông	34.300.000.000	34.300.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	11.927.177.227	11.927.177.227
Cộng	81.927.177.227	81.927.177.227

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	7.000.000	7.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

21. Lợi ích cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	32.982.129.684	22.056.073.338
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	793.573.163	1.071.542.440
Cổ đông thiểu số góp thêm vốn trong kỳ		10.000.000.000
Chia cổ tức cho cổ đông thiểu số	(1.102.500.000)	(1.427.247.500)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	(238.373.829)	(354.171.788)
Thay đổi tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	(2.202.382)	(12.792.579)
Số cuối kỳ	32.432.626.636	31.333.403.911

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	101.533.146.420	154.494.348.874
Doanh thu bán hàng hóa	363.636.364	
Doanh thu bán thành phẩm		693.223.818
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.420.995.953	4.858.643.961
Doanh thu hợp đồng xây dựng	99.097.633.354	147.828.473.213
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	650.880.749	1.114.007.882
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(12.516.621)	(2.760.109.039)
Giảm giá hàng bán	(12.516.621)	
Hàng bán bị trả lại		(2.760.109.039)
Doanh thu thuần	101.520.629.799	151.734.239.835
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	363.636.364	
- Doanh thu thuần bán thành phẩm		693.223.818
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	1.420.995.953	4.858.643.961
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	99.085.116.733	145.068.364.174
- Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	650.880.749	1.114.007.882

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	414.521.368	
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp		605.154.839
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.167.860.883	4.645.566.378
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	67.004.932.811	98.433.167.697
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	580.888.349	347.146.987
Cộng	69.168.203.411	104.031.035.901

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	61.170.321	74.738.429
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		3.853.710
Cộng	61.170.321	78.592.139

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	13.778.465.087	24.148.685.760
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		6.167.940.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn		(6.366.000.000)
Cộng	13.778.465.087	23.950.625.760

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	6.515.348.197	9.286.380.436
Chi phí vật liệu quản lý	428.195.314	496.747.647
Chi phí đồ dùng văn phòng	39.944.850	110.643.700
Chi phí khấu hao TSCĐ	587.292.297	223.843.847
Thuế, phí và lệ phí	27.000.000	43.000.000
Chi phí dự phòng	233.759.178	217.344.626
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.242.822.923	1.657.913.033
Chi phí bằng tiền khác	885.843.865	1.806.763.798
Cộng	10.960.206.624	13.842.637.087

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	2.716.016.682	1.237.049.498
Lãi chậm nộp BHXH	1.395.193.791	379.218.337
Chi phí khác	(5.315.127)	7.424.329
Phạt hành chính về vi phạm môi trường	70.000.000	
Cộng	4.175.895.346	1.623.692.164

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	272.554.257	4.989.051.757
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	272.554.257	4.989.051.757
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	7.000.000	7.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	39	713

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.000.000	7.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại		
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân	7.000.000	7.000.000

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	218.740.274	1.093.494.504
Phụ cấp	14.490.000	85.680.000
Cộng	233.230.274	1.179.174.504

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc	Công ty nhận vốn góp
Công ty Cổ phần Phát triển Thủy điện Cao nguyên Sông Đà	Công ty nhận vốn góp

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng Công ty Sông Đà		
Giá trị công trình thực hiện cho Tập đoàn	6.007.087.356	42.856.211.568
Nhận ứng trước tiền thi công	12.059.002.920	
Phí bảo lãnh phải trả	69.770.850	
Thanh toán công nợ	1.338.777.320	86.351.025.593
Vay vốn lưu động của Tập đoàn		15.000.000.000
Trả gốc tiền vay Tập đoàn		12.814.702.929
Lãi tiền vay phải trả Tập đoàn	1.068.813.499	1.909.378.488
thanh toán tiền khối lượng xây lắp hoàn thành	1.073.427.077	
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên		
Giá trị công trình xây lắp Someco cung cấp		17.882.713.429
Số tiền đã thanh toán cho Someco trong năm		2.000.000.000
Bù trừ công nợ		8.723.187.926
Tạm ứng tiền thi công	50.000.000	540.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc		
Thanh toán công nợ		600.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên		
Ứng khối lượng công trình	200.000.000	1.250.000.000
Thanh toán công nợ		2.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà Miền Trung vay vốn lưu động	134.000.000	

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng công ty Sông Đà	19.238.615.276	45.143.273.770
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp	7.179.612.356	45.143.273.770
ứng trước tiền thi công	12.059.002.920	
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên	77.648.144.118	53.870.789.691
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp	77.648.144.118	53.870.789.691

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thủy điện Tây Bắc	9.511.847.088	3.282.873.614
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp	3.364.805.793	3.282.873.614
Lãi chậm thanh toán tiền công trình	6.143.301.295	
Tiền an ninh, bảo vệ tạp vụ	3.740.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên	12.609.015.365	14.582.106.469
Phải thu tiền khối lượng công trình xây lắp	12.609.015.365	14.582.106.469
Cộng nợ phải thu	238.015.243.694	233.758.087.088
Tổng công ty Sông Đà		
Phải trả Tập đoàn tiền vay ngắn hạn	6.964.792.361	22.814.984.571
Cổ tức phải trả	796.002.284	5.355.000.000
Lãi vay phải trả		3.009.875.233
Cộng nợ phải trả	7.760.794.645	50.938.129.804

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường hoặc giá vốn. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc bù trừ công nợ. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty mẹ và các công ty con cung cấp.

Các lĩnh vực kinh doanh chính như sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Gia công, lắp đặt công trình cơ khí.
- Lĩnh vực đầu tư xây dựng thủy điện
- Lĩnh vực khác: Nhượng bán vật tư, máy móc thiết bị phục vụ ngành gia công cơ khí, thí nghiệm, tư vấn thiết kế.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

<i>Kỳ này</i>	<i>Đầu tư</i>			<i>Các khoản loại trừ</i>	<i>Cộng</i>
	<i>Xây lắp</i>	<i>Thủy điện</i>	<i>Hoạt động khác</i>		
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	99.085.116.733		2.435.513.066		101.520.629.799
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận					
Tổng doanh thu thuần	99.085.116.733		2.435.513.066		101.520.629.799
Kết quả kinh doanh theo bộ phận					
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	32.080.183.922		272.242.466		32.352.426.388
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(10.960.206.624)
Doanh thu hoạt động tài chính					21.392.219.764
Chi phí tài chính					61.170.321
Thu nhập khác					(13.778.465.087)
Chi phí khác					(4.175.895.346)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(2.328.281.585)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(104.620.647)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					1.066.127.420
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	136.000.000	9.610.682.837			9.746.682.837
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	6.087.349.072	227.194.798			6.314.543.870
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	487.351.339				487.351.339

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Đầu tư		Các khoản loại trừ	Cộng
	Xây lắp	Thủy điện	Hoạt động khác	
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	145.068.364.174		6.665.875.661	151.734.239.835
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				
Tổng doanh thu thuần	145.068.364.174		6.665.875.661	151.734.239.835
Kết quả kinh doanh theo bộ phận				
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	33.602.208.482		258.358.365	33.860.566.847
Doanh thu hoạt động tài chính				33.860.566.847
Chi phí tài chính				78.592.139
Thu nhập khác				(23.950.625.760)
Chi phí khác				86.542.234
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.623.692.164)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(2.177.427.221)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				(213.361.878)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	173.289.014	19.758.042.981		6.060.594.197
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	6.911.449.853	561.988.422	58.779.414	7.532.217.689
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	217.344.626			217.344.626

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội;

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

	Xây lắp	Đầu tư Thủy điện	Hoạt động khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối kỳ					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	535.120.436.195	350.022.323.945	23.775.850.952		908.918.611.092
Tài sản phân bổ cho bộ phận					
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					11.792.200.000
Tổng tài sản	535.120.436.195	350.022.323.945	23.775.850.952		920.710.811.092
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	502.301.458.605	252.340.907.996	11.836.411.633		766.478.778.234
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					
Tổng nợ phải trả	502.301.458.605	252.340.907.996	11.836.411.633		766.478.778.234
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	533.563.411.626	340.321.218.861	13.008.807.025		886.893.437.512
Tài sản phân bổ cho bộ phận					
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					11.792.200.000
Tổng tài sản	533.563.411.626	340.321.218.861	13.008.807.025		898.685.637.512
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	481.629.713.429	245.425.389.735	10.575.651.708		737.630.754.872
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận					
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					
Tổng nợ phải trả	481.629.713.429	245.425.389.735	10.575.651.708		737.630.754.872

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ



CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty mẹ và các công ty con phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty mẹ và các công ty con.

Công ty mẹ và các công ty con có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty mẹ và các công ty con giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty mẹ và các công ty con liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty mẹ và các công ty con được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.888.742.922			11.888.742.922
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	365.000.000			365.000.000
Phải thu khách hàng	300.076.635.223			300.076.635.223
Các khoản phải thu khác	1.647.237.440		6.143.301.295	7.790.538.735
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	11.427.200.000			11.427.200.000
Cộng	325.404.815.585		6.143.301.295	331.548.116.880
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.607.583.333			12.607.583.333
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	365.000.000			365.000.000
Phải thu khách hàng	298.049.783.005			298.049.783.005
Các khoản phải thu khác	5.132.250.216		6.143.301.295	11.275.551.511
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	11.427.200.000			11.427.200.000
Cộng	327.581.816.554		6.143.301.295	333.725.117.849

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty mẹ và các công ty con gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty mẹ và các công ty con chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty mẹ và các công ty con quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền phù hợp với yêu cầu thanh toán, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Cộng
Số cuối kỳ			
Vay và nợ	193.069.009.534	208.091.672.982	401.160.682.516
Phải trả người bán	89.492.319.239	19.758.270.000	109.250.589.239
Các khoản phải trả khác	94.112.401.689	184.960.000	94.297.361.689
Cộng	376.673.730.462	228.034.902.982	604.708.633.444
Số đầu năm			
Vay và nợ	197.359.135.801	210.214.230.532	407.573.366.333
Phải trả người bán	88.039.643.757	19.758.270.000	107.797.913.757
Các khoản phải trả khác	65.885.308.958	199.960.000	66.085.268.958
Cộng	351.284.088.516	230.172.460.532	581.456.549.048

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là trung bình. Nợ phải trả tài chính đang lớn hơn tài sản tài chính, tuy nhiên, Công ty mẹ và các công ty con đang và sẽ gia hạn thời gian trả nợ của các khoản vay để phù hợp với khả năng thanh toán. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty mẹ và các công ty con có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty mẹ và các công ty con chỉ gồm rủi ro lãi suất. Các khoản vay bằng ngoại tệ chỉ phát sinh ở các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư nên không ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty mẹ và các công ty con chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 6.011.935.238 VND (kỳ trước giảm/tăng 6.160.189.393 VND). Mức thay đổi của lãi suất sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMEKO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.888.742.922		12.607.583.333	
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	365.000.000		365.000.000	
Phải thu khách hàng	300.076.635.223		300.076.635.223	
Các khoản phải thu khác	7.790.538.735	(3.581.283.881)	11.275.551.511	(3.581.283.881)
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	11.427.200.000		11.427.200.000	
Cộng	331.548.116.880	(3.581.283.881)	333.725.117.849	(3.581.283.881)
			327.966.832.999	330.143.833.968

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Vay và nợ	401.160.682.516		401.160.682.516	
Phải trả người bán	109.250.589.239		109.250.589.239	
Các khoản phải trả khác	94.297.361.689		94.297.361.689	
Cộng	604.708.633.444	581.456.549.048	604.708.633.444	581.456.549.048

CÔNG TY CỔ PHẦN SOMECO SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty mẹ và các công ty con ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được).

Công ty mẹ chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 Công ty Chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có dự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Lập, ngày 28 tháng 8 năm 2013

Người lập biểu

Phạm Thị Canh

Kế toán trưởng

Đàm Trung Kiên

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Sơn